

## BẢN TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
<b>I. ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHUNG VỀ SỬ DỤNG HẠN MỨC THẺ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN SEABANK</b>			
1	Điều 3	Chưa quy định chi tiết	<b>Điều 3. Lãi suất và phí áp dụng</b>  1. Lãi suất tính lãi: Mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ của Thẻ tín dụng sẽ được SeABank thông báo cho Khách hàng tại thời điểm phát hành thẻ và được công khai tại điểm giao dịch và/hoặc trên website chính thức của SeABank ( <a href="https://seabank.com.vn">https://seabank.com.vn</a> ).  Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/ năm với một năm là 365 ngày. Lãi suất thẻ tín dụng có thể được SeABank điều chỉnh khi các chính sách quản lý của Nhà nước, các quy định của pháp luật hoặc thị trường có sự thay đổi, biến động bất thường hoặc do đặc điểm của từng dòng thẻ, sản phẩm thẻ tín dụng của SeABank. Mức lãi suất điều chỉnh này bằng (=) Lãi suất thẻ tín dụng áp dụng trước thời điểm điều chỉnh cộng/trừ (+/-) Biên độ điều chỉnh lãi suất được áp dụng với chủ thẻ theo từng dòng thẻ, sản phẩm thẻ mà chủ thẻ sử dụng khi thực hiện điều chỉnh lãi suất. SeABank sẽ thông báo cho Khách hàng về mức lãi suất điều chỉnh, biên độ điều chỉnh lãi suất, thời điểm áp dụng lãi suất điều chỉnh dưới hình thức văn bản hoặc thông điệp dữ liệu điện tử bao gồm nhưng không giới hạn bởi email, SMS, thông báo qua kênh ngân hàng điện tử hoặc thông báo qua việc niêm yết tại trụ sở của SeABank và/hoặc trên website chính thức của SeABank. Mức lãi suất điều chỉnh có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày SeABank thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo).

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
			<p>3. Phương pháp tính lãi:</p> <p>a. Công thức tính lãi:</p> $\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Dư nợ thực tế} \times \text{Số ngày duy trì dư nợ thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dư nợ thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn mà Khách hàng còn phải trả cho SeABank được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng và quy định của pháp luật.</li> <li>- Số ngày duy trì dư nợ thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.</li> <li>- Lãi suất tính lãi: Quy định tại khoản 1 Điều này</li> <li>- Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của SeABank đến hết ngày liền kề trước ngày Khách hàng thanh toán toàn bộ dư nợ cho SeABank (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.</li> </ul> <p>b. Lãi suất tính lãi quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này, các mức lãi suất này bằng chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của SeABank đến hết ngày Khách hàng thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho SeABank; và</li> <li>(ii) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.</li> </ul>

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
		<p>Lưu ý: Trường hợp loại thẻ tín dụng có quy định riêng về cách tính lãi đối với giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ thì sẽ áp dụng theo nội dung của quy định đó.</p>	<p>Riêng cơ chế tính lãi áp dụng với Thẻ tín dụng BRG Elite và các loại thẻ khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ: Trước hoặc khi đến hạn thanh toán theo kỳ sao kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ thì Ngân hàng sẽ miễn lãi cho toàn bộ giao dịch trong kỳ của chủ thẻ;</li> <li>- Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ dư nợ và giá trị thanh toán lớn hơn hoặc bằng Tổng giá trị thanh toán tối thiểu trong kỳ, Ngân hàng sẽ tính lãi trong hạn đối với tất cả các giao dịch phát sinh trong kỳ sao kê kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống của ngân hàng đến ngày chủ thẻ trả nợ;</li> <li>- Nếu chủ thẻ thanh toán nhỏ hơn Tổng giá trị thanh toán tối thiểu trong kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng sẽ tính lãi trong hạn đối với tất cả các giao dịch phát sinh trong kỳ sao kê kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống của ngân hàng đến ngày chủ thẻ trả nợ kèm theo lãi suất quá hạn và phí chậm thanh toán theo Biểu phí của SeABank từng thời kỳ. Lưu ý: Khách hàng đồng ý rằng các loại thẻ tín dụng khác được áp dụng theo cơ chế tính lãi này sẽ được SeABank chủ động xác định và thông báo đến khách hàng thông qua một trong các hình thức, kênh thông tin sau: email/sms/ebank/công khai tại điểm giao dịch/website chính thức của SeABank hoặc các phương thức khác theo quy định SeABank từng thời kỳ.</li> </ul>
2	<b>Điều 4</b>	<p><b>Điều 4. Thời hạn của Hạn mức thẻ tín dụng</b> 3. Hạn mức thẻ tín dụng của Khách hàng sẽ bị khóa trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Theo yêu cầu của Khách hàng: mất cấp/thất lạc hay thẻ bị hỏng hoặc trường hợp khác;</p>	<p><b>Điều 4. Thời hạn của Hạn mức thẻ tín dụng</b> 3. SeABank có quyền khóa hạn mức thẻ tín dụng của Khách hàng trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Theo yêu cầu của Khách hàng hoặc từ cá nhân, tổ chức khác về việc: Thẻ bị mất cấp/thất lạc/lộ thông tin hay thẻ bị hỏng hoặc trường hợp rủi ro khác liên quan đến thẻ tín dụng theo đánh giá của SeABank;</p>

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
		<p>b. Khách hàng phát sinh nợ quá hạn: Hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán hoặc thời hạn khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ mà Khách hàng không thanh toán đầy đủ dư nợ;</p> <p>c. Thẻ bị khóa theo yêu cầu của SeABank do khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng, phát hành, thanh toán thẻ hoặc nghi ngờ gian lận giả mạo hoặc các lý do khác mà SeABank nhận định là cần thiết phải thực hiện khóa thẻ;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật, SeABank.</p>	<p>b. Khách hàng phát sinh nợ quá hạn tại SeABank: Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Khách hàng không thanh toán đủ Tổng giá trị thanh toán tối thiểu hoặc thời hạn khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ mà Khách hàng không thanh toán đầy đủ dư nợ;</p> <p>c. Thẻ bị khóa theo yêu cầu của SeABank do khách hàng vi phạm thỏa thuận phát hành và sử dụng thẻ đã ký với SeABank hoặc vi phạm các quy định về sử dụng, phát hành, thanh toán thẻ hoặc Khách hàng không trả được các khoản nợ khác tại SeABank và/hoặc các tổ chức tín dụng khác hoặc SeABank có nghi ngờ gian lận giả mạo hoặc các lý do khác mà SeABank nhận định là cần thiết phải thực hiện khóa thẻ.</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật, SeABank.</p> <p>4. Đối với hạn mức thẻ tín dụng bị khóa thì SeABank có thể chủ động mở khóa để Khách hàng có thể sử dụng khi KH khắc phục được tình trạng vi phạm hoặc trường hợp khác theo quy định, chính sách nội bộ của SeABank. Các nội dung khác liên quan đến khóa/mở khóa hạn mức thẻ do SeABank chủ động quyết định thực hiện.</p> <p>5. SeABank có quyền lựa chọn áp dụng việc khóa hoặc đóng hạn mức thẻ tín dụng của Khách hàng nếu mức thẻ tín dụng của KH đồng thời thuộc cả trường hợp khóa và trường hợp đóng theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện này.</p>
3	Điều 5	<p><b>Điều 5. Thay đổi, cấp mới hạn mức thẻ tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng được quyền định kỳ theo quy định của Ngân hàng hoặc đột xuất xem xét đánh giá lại hạn mức thẻ tín dụng và thời hạn duy trì Hạn mức thẻ tín dụng đã cấp cho chủ thẻ theo Hợp Đồng. Ngân hàng được quyền điều chỉnh</p>	<p><b>Điều 5. Thay đổi, cấp mới hạn mức thẻ tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng được quyền định kỳ theo quy định của Ngân hàng hoặc đột xuất xem xét đánh giá lại hạn mức thẻ tín dụng và thời hạn duy trì Hạn mức thẻ tín dụng đã cấp cho chủ thẻ theo Hợp Đồng. Ngân hàng được quyền chủ động điều chỉnh tăng/giảm Hạn mức thẻ tín dụng, chấm dứt Hạn mức thẻ tín dụng và/hoặc thời hạn duy trì Hạn mức</p>

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
		<p>tăng/giảm Hạn mức thẻ tín dụng, chấm dứt Hạn mức thẻ tín dụng và/hoặc thời hạn duy trì Hạn mức thẻ tín dụng theo kết quả xem xét, đánh giá của Ngân hàng, trường hợp này Ngân hàng sẽ thông báo cho chủ thẻ được biết bằng phương thức mà Ngân hàng cho là hợp lý và phù hợp với Điều khoản giao dịch chung này. Chủ thẻ đồng ý và cam kết thực hiện theo đúng nội dung thông báo của Ngân hàng.</p>	<p>thẻ tín dụng theo kết quả xem xét, đánh giá của Ngân hàng (Ví dụ: Ngân hàng sẽ lựa chọn những khách hàng có lịch sử chi tiêu tốt, có thu nhập ổn định và đáp ứng các điều kiện theo chính sách của SeABank trong từng thời kỳ để tăng hạn mức thẻ tín dụng chủ động). Khách hàng đồng ý rằng hạn mức thẻ tín dụng mới được SeABank điều chỉnh sẽ được xác định theo thông báo của SeABank gửi đến khách hàng thông qua một trong các hình thức, kênh thông tin sau: email/sms/ebank/công khai tại điểm giao dịch/website chính thức của SeABank hoặc các phương thức khác theo quy định SeABank từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý và cam kết thực hiện theo đúng nội dung thông báo của Ngân hàng.</p>
4	<b>Điều 7</b>	<b>Chưa quy định</b>	<p><b>Điều 7. Trả nợ lãi, nợ gốc và phí</b></p> <p>5. Việc thanh toán nợ của Khách hàng chỉ được tính là thành công khi hệ thống của SeABank ghi nhận được giao dịch của Khách hàng (SeABank nhận được báo có với số tiền thực báo có)</p>
5	<b>Điều 8</b>	<p><b>Điều 8. Thu hồi nợ và chuyển nợ quá hạn</b></p> <p>2.SeABank có quyền tự động khóa hạn mức sau khi hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày quá hạn hoặc một thời hạn khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ.</p>	<p><b>Điều 8. Thu hồi nợ và chuyển nợ quá hạn</b></p> <p>2. SeABank có quyền tự động khóa hạn mức sau khi hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Khách hàng không thanh toán đủ Tổng giá trị thanh toán tối thiểu hoặc một thời hạn khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ.</p>
6	<b>Điều 10</b>	<p><b>Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng</b></p> <p>2. Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng khi đề nghị cấp Hạn mức thẻ tín dụng và trong quá trình sử dụng Hạn mức thẻ tín dụng.</p>	<p><b>Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng</b></p> <p>2. Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng khi đề nghị cấp Hạn mức thẻ tín dụng và trong quá trình sử dụng Hạn mức thẻ tín dụng. Khách hàng đồng ý để SeABank xác thực các thông tin mà Khách hàng đã cung cấp từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà SeABank muốn biết</p>

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
		Chưa quy định	<p>13. Khách hàng cam kết các thông tin mà Khách hàng cung cấp trong Hợp đồng phải là những thông tin mới nhất cho dù Hợp đồng có được SeABank chấp nhận hay không. Trong trường hợp Hợp đồng được chấp thuận, mọi thông tin kê khai trên Hợp đồng đó sẽ thay thế các thông tin mà Khách hàng đã đăng ký với SeABank trước đây. SeABank có toàn quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ bất cứ lúc nào mà không cần báo trước khi phát hiện hoặc nghi ngờ thông tin Khách hàng cung cấp, kê khai trong Hợp đồng là không trung thực, chính xác và/hoặc không đáp ứng được yêu cầu, điều kiện, tiêu chí theo quy định của SeABank từng thời kỳ.</p>
		Chưa quy định	<p>14. Khách hàng cam kết thực hiện các quy trình, quy định về giao dịch điện tử do SeABank quy định và đăng ký xác lập phương thức gửi, nhận chứng từ điện tử thông qua kênh Ngân hàng điện tử của SeABank và/hoặc số điện thoại và/hoặc email hoặc các kênh thông tin liên hệ khác mà Khách hàng đã kê khai, cung cấp cho SeABank.</p> <p>15. Khách hàng đồng ý đăng ký, sử dụng xác thực điện tử (chữ ký điện tử) được lập hợp pháp dưới dạng OTP hoặc hình thức khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ để ký, xác lập giao dịch trong quá trình đăng ký, sử dụng dịch vụ tại SeABank. Khách hàng có trách nhiệm bảo mật, bảo vệ thiết bị, số điện thoại nhận xác thực điện tử thông tin thẻ, tên truy cập, mật khẩu truy cập của mình để ngăn chặn việc người khác thực hiện giao dịch trái phép. SeABank không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại về tài chính và phi tài chính trong trường hợp Khách hàng để người khác sử dụng các thông tin trên hoặc trong trường hợp do nguyên nhân khách quan khác mà không có lỗi của SeABank.</p> <p>16. Khách hàng cam kết tuân thủ, thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của SeABank về cơ cấu nợ.</p>
<p><b>II. ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI SEABANK</b></p>			

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
1	<p><b>Điều 1.</b></p> <p><b>Giải thích các thuật ngữ</b></p>	<p>Chưa đưa nội dung này vào</p>	<p><b>21.Giao dịch xác thực (Card Verify):</b> Là giao dịch thanh toán tạm thời trên thẻ tín dụng mà đơn vị chấp nhận thẻ thực hiện với giá trị tiền nhỏ nhằm mục đích xác thực khả năng thanh toán của thẻ khi khách hàng sử dụng một số dịch vụ nhất định như cài đặt thông tin thẻ tín dụng vào ứng dụng thanh toán hoặc đăng ký hàng hóa, dịch vụ theo các giai đoạn (VD: đăng ký thẻ để sử dụng dịch vụ dùng thử, đăng ký thanh toán phí thành viên, đăng ký thanh toán phí tuần hoàn, lập lại ...). Giao dịch được hủy ngay lập tức sau khi xác thực thành công. Thời gian giao dịch này được giải tỏa trên tài khoản thẻ phụ thuộc vào chính sách của ngân hàng phát hành thẻ.</p> <p><b>22.Giao dịch đặt trước (Pre-auth):</b> Giao dịch đặt trước (Pre-auth): Là giao dịch cấp phép trước cho phép phong tỏa hạn mức thẻ tín dụng một số tiền ước tính dịch vụ, hàng hóa sẽ sử dụng khi khách hàng thực hiện đặt trước hoặc đăng ký dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thẻ<sup>1</sup> cung ứng dịch vụ.</p> <p><b>23.Giao dịch hoàn tất (Complete Pre-auth):</b> Là giao dịch được thực hiện để hoàn tất Giao dịch đặt trước sau khi khách hàng đã hoàn thành việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ và muốn thanh toán với số tiền thực tế. Giá trị giao dịch hoàn tất có thể nhỏ hơn hoặc bằng hoặc lớn hơn so với giá trị Giao dịch đặt trước với một dung sai quy định trong từng thời kỳ bởi các TCTQT, TCPHT và TCTTT. Sau khi thực hiện giao dịch hoàn tất thì giá trị hạn mức thẻ tín dụng của thẻ bị phong tỏa trong giao dịch đặt trước sẽ được giải tỏa và hạn mức thẻ tín dụng của khách hàng sẽ bị trừ đi tương ứng số tiền đã thực hiện trong giao dịch hoàn tất.</p>
2	<p><b>Điều 02</b></p>	<p><b>Điều 2. Thẻ và pin</b></p> <p>8. Thẻ của Khách hàng chỉ phát sinh hiệu lực khi được kích hoạt thẻ thành công qua các phương</p>	<p><b>Điều 2. Thẻ và pin</b></p> <p>8.Thẻ của Khách hàng chỉ phát sinh hiệu lực khi được kích hoạt thẻ thành công qua các phương thức như gửi tin nhắn</p>

<sup>1</sup> Như đơn vị kinh doanh dịch vụ khách sạn, cho thuê xe Limousin, du thuyền...

STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
		<p>thức như gửi tin nhắn sms/ gọi điện lên Tổng đài dịch vụ khách hàng của SeABank từ chính số điện thoại di động Khách hàng đã đăng ký để đề nghị kích hoạt thẻ (theo cú pháp SeABank quy định từng thời kỳ), riêng đối với thẻ ghi nợ Khách hàng có thể đến trực tiếp Chi nhánh/ Phòng giao dịch của SeABank để đề nghị kích hoạt thẻ. Đối với chủ thẻ hạng bạch kim trở lên và chủ thẻ thuộc phân khúc Khách hàng ưu tiên, Tổng đài dịch vụ khách hàng của SeABank sẽ chủ động gọi điện cho Khách hàng để kích hoạt thẻ. Để kích hoạt thẻ, chủ thẻ phải xác nhận về việc đã nhận đủ PIN và thẻ theo quy định của Ngân hàng.</p>	<p>sms/ gọi điện lên Tổng đài dịch vụ khách hàng của SeABank từ chính số điện thoại di động Khách hàng đã đăng ký để đề nghị kích hoạt thẻ (theo cú pháp SeABank quy định từng thời kỳ) hoặc các hình thức kích hoạt khác theo quy định của SeABank từng thời kỳ, riêng đối với thẻ ghi nợ Khách hàng có thể đến trực tiếp Chi nhánh/ Phòng giao dịch của SeABank để đề nghị kích hoạt thẻ.. Sau khi kích hoạt thẻ thành công, Khách hàng sẽ nhận được thông tin mã PIN được cấp thông qua các phương thức điện tử hoặc phương thức truyền thông (nếu chưa nhận được mã PIN) theo quy định của SeABank từng thời kỳ.</p>
3	<b>Điều 6</b>	<p><b>Điều 6. Phí và lãi suất</b>  2.Thời điểm thu phí  c.Phí dịch vụ SMS: Thu hàng tháng từ hạn mức thẻ tín dụng nếu Khách hàng đăng ký và có phát sinh giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ.</p>	<p><b>Điều 6. Phí và lãi suất</b>  2.Thời điểm thu phí  c.Phí dịch vụ SMS: Thu hàng tháng từ hạn mức thẻ tín dụng nếu Khách hàng đăng ký và có phát sinh giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ của tháng liền kề trước</p>
4	<b>Điều 8</b>	<b>Chưa quy định</b>	<p><b>Điều 8. Thẻ được phát hành qua phương thức điện tử.</b></p> <p>Khách hàng xác nhận đã được SeABank cảnh báo cho khách hàng về các hành vi không được thực hiện đối với thẻ được phát hành bằng phương thức điện tử như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng hạn mức giao dịch (bao gồm rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán) của thẻ ghi nợ hoặc thẻ trả trước định danh hoặc thẻ tín dụng của một khách hàng không vượt quá 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng;</li> <li>2. Không thực hiện rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, thanh toán quốc tế;</li> <li>3. Các hành vi không được thực hiện khác được SeABank chủ động xác định và thông báo cho Khách hàng dưới hình thức văn bản hoặc thông điệp dữ liệu điện tử bao</li> </ol>



STT	Hạng mục	Quy định cũ	Quy định mới
			gồm nhưng không giới hạn bởi email, SMS, thông báo qua kênh ngân hàng điện tử,...

### III. LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG

1	Lãi suất thẻ tín dụng	Phạm vi	Tổng dư nợ cuối ngày (VND)		Lãi suất	Phạm vi	Tổng dư nợ cuối ngày (VND)		Lãi suất
			Từ	Đến			Từ	Đến	
		Phạm vi 1	> 0	<2.500.000	30.0%	Phạm vi 1	> 0	<2.500.000	34.0%
		Phạm vi 2	≥ 2.500.000	<5.000.000	29.5%	Phạm vi 2	≥ 2.500.000	<5.000.000	34.0%
		Phạm vi 3	≥ 5.000.000	<10.000.000	29.0%	Phạm vi 3	≥ 5.000.000	<10.000.000	34.0%
		Phạm vi 4	≥ 10.000.000	<15.000.000	28.5%	Phạm vi 4	≥ 10.000.000	<15.000.000	34.0%
		Phạm vi 5	≥ 15.000.000	<20.000.000	28.0%	Phạm vi 5	≥ 15.000.000	<20.000.000	34.0%
		Phạm vi 6	≥ 20.000.000	<30.000.000	27.5%	Phạm vi 6	≥ 20.000.000	<30.000.000	34.0%
		Phạm vi 7	≥ 30.000.000	<50.000.000	27.0%	Phạm vi 7	≥ 30.000.000	<50.000.000	34.0%
		Phạm vi 8	≥ 50.000.000	<100.000.000	26.5%	Phạm vi 8	≥ 50.000.000	<100.000.000	32.0%
		Phạm vi 9	≥ 100.000.000	<150.000.000	26.0%	Phạm vi 9	≥ 100.000.000	<150.000.000	32.0%
		Phạm vi 10	≥ 150.000.000	<200.000.000	25.5%	Phạm vi 10	≥ 150.000.000	<200.000.000	32.0%
		Phạm vi 11	≥ 200.000.000	<300.000.000	25.0%	Phạm vi 11	≥ 200.000.000	<300.000.000	30.0%
		Phạm vi 12	≥ 300.000.000		24.5%	Phạm vi 12	≥ 300.000.000		30.0%
(*) Giá trị thanh toán tối thiểu trong kỳ sẽ bằng dư nợ trong hạn nếu dư nợ này nhỏ hơn hoặc bằng 250.000 VND					(*) Giá trị thanh toán tối thiểu trong kỳ sẽ bằng dư nợ trong hạn nếu dư nợ này nhỏ hơn hoặc bằng 50.000 VND				